| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 209 /QĐ-UBND | *Lạng Sơn, ngày 30 tháng 01 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Khắc phục xử lý sạt lở Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra đề nghị quyết toán công trình hoàn thành số 31/BC-STC ngày 17/01/2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Khắc phục xử lý sạt lở Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh.

2. Chủ đầu tư: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn.

3. Địa điểm xây dựng: Suối Quảng Lạc và Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn (Km10, Quốc lộ 1A cũ, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

4. Thời gian khởi công: tháng 7/2022; thời gian hoàn thành: tháng 01/2023.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư được duyệt | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|---|---|---|---|
| **Tổng số** | | **7.800.000.000** | **7.770.642.000** |
| 1 | Xây dựng | 6.989.502.804 | 6.986.131.000 |
| 2 | Quản lý dự án | 226.744.402 | 226.744.000 |
| 3 | Tư vấn ĐTXD | 528.358.867 | 522.286.000 |
| 4 | Chi phí khác | 44.489.662 | 35.481.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 5 | Chi phí dự phòng | 10.904.265 | 0 |

2. Vốn đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư được duyệt | Thực hiện | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt |
| **Tổng số** | | **7.800.000.000** | **7.770.642.000** | **6.500.000.000** | **1.270.642.000** | **0** |
| 1 | Vốn đầu tư công: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Vốn khác: | 7.800.000.000 | 7.770.642.000 | 6.500.000.000 | 1.270.642.000 | 0 |
| - | Ngân sách tỉnh | 7.800.000.000 | 5.770.642.000 | 4.500.000.000 | 1.270.642.000 | 0 |
| - | Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh | | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | 0 | 0 |

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư: *Đơn vị tính: đồng*

| Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi (nếu có) | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi (nếu có) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Tổng số:** | | | **7.770.642.000** | |
| 1.Tài sản dài hạn (Tài sản cố định) | | | 7.770.642.000 | |
| 2. Tài sản ngắn hạn | | | 0 | |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là

| Số TT | Nội dung | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **Tổng số** | | **7.770.642.000** | |
| 1 | Nguồn vốn đầu tư công: | 0 | |
| 2 | Nguồn vốn khác: | 7.770.642.000 | |
| - | Ngân sách tỉnh | 5.770.642.000 | |
| - | Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh | 2.000.000.000 | |

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 1.270.642.000 đồng.

*(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).*

c) Bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

a) Được phép ghi tăng tài sản *Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định | Tài sản ngắn hạn |
|---|---|---|---|
| | Tổng tài sản tiếp nhận: | **7.770.642.000** | 0 |
| | Trong đó: | | |
| *1* | *UBND thành phố Lạng Sơn (hạng mục nạo vét, kè bờ suối)* | *7.408.631.000* | |
| *2* | *Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh (hạng mục tường rào cơ sở cai nghiện)* | *362.011.000* | |

b) Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản được giao theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**Lương Trọng Quỳnh**